

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC VĂN BẰNG

1. Thông tin về người được cấp bằng:

Họ và tên: Trần Thị Huyền

Ngày, tháng, năm sinh: 12/06/1987

2. Thông tin về văn bằng:

Cơ sở giáo dục đào tạo cấp bằng: Đại học Huế

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Ngày nhập học: 04/10/2021

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Từ xa

3. Thông tin về nội dung, kết quả học tập:

S T T	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Điểm học phần			S T T	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Điểm học phần		
			Hệ 10	Hệ 4	Điểm chữ				Hệ 10	Hệ 4	Điểm chữ
1	Tiếng Việt thực hành	2	8,4	3,0	B	26	Viết 5 (Writing 5)	2	7,1	3,0	B
2	Nghe 1 (Listening 1)	2	9,7	4,0	A	27	Giao thoa văn hóa 1 (Cross Culture Communication)	2	8,9	4,0	A
3	Nói 1 (Speaking 1)	2	6,7	2,0	C	28	Giao thoa văn hóa 2 (Cross Culture Communication)	3	8,5	4,0	A
4	Đọc 1 (Reading 1)	2	9,2	4,0	A	29	Văn hóa Anh 1 (British Culture)	2	7,5	3,0	B
5	Viết 1 (Writing 1)	2	8,2	3,0	B	30	Văn hóa Anh 2 (British Culture)	2	7,5	3,0	B
6	Nghe 2 (Listening 2)	2	8,9	4,0	A	31	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	2	6,0	2,0	C
7	Nói 2 (Speaking 2)	2	8,7	4,0	A	32	Ngữ âm - Âm vị học (Phonetics and Phonology)	2	6,2	2,0	C
8	Đọc 2 (Reading 2)	2	9,3	4,0	A	33	Ngữ pháp (Grammar: Morphology and Syntax)	2	6,7	2,0	C
9	Viết 2 (Writing 2)	2	7,2	3,0	B	34	Ngữ nghĩa học (Semantics)	2	5,9	2,0	C
10	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	8,9	4,0	A	35	Văn hóa Mỹ 1 (American Culture)	2	8,1	3,0	B
11	Nghe 3 (Listening 3)	2	8,2	3,0	B	36	Văn hóa Mỹ 2 (American Culture)	3	8,1	3,0	B
12	Nói 3 (Speaking 3)	2	7,8	3,0	B	37	Văn học Anh 1 (English Literature)	2	7,2	3,0	B
13	Đọc 3 (Reading 3)	2	10,0	4,0	A	38	Văn học Anh 2 (English Literature)	3	7,2	3,0	B
14	Viết 3 (Writing 3)	2	8,4	3,0	B	39	Văn học Mỹ 1 (American Literature)	2	7,6	3,0	B
15	Nghe 4 (Listening 4)	2	9,7	4,0	A	40	Văn học Mỹ 2 (American Literature)	3	7,0	3,0	B
16	Nói 4 (Speaking 4)	2	8,1	3,0	B	41	Dẫn luận ngôn ngữ	2	8,6	4,0	A
17	Đọc 4 (Reading 4)	2	9,0	4,0	A	42	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	2	8,0	3,0	B
18	Viết 4 (Writing 4)	2	7,3	3,0	B	43	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	2	7,2	3,0	B

S T T	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Điểm học phần		
			Hệ 10	Hệ 4	Điểm chữ
19	Thực hành dịch 1	2	8,1	3,0	B
20	Thực hành dịch 2	2	8,1	3,0	B
21	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	R	R	R
22	Môi trường và con người	2	7,4	3,0	B
23	Nghe 5 (Listening 5)	2	5,6	2,0	C
24	Nói 5 (Speaking 5)	2	7,3	3,0	B
25	Đọc 5 (Reading 5)	2	7,2	3,0	B

S T T	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Điểm học phần		
			Hệ 10	Hệ 4	Điểm chữ
44	Ngữ pháp chức năng (An Introduction to Functional Grammar)	3	8,6	4,0	A
45	Ngôn ngữ - Xã hội học (Sociolinguistics)	3	6,0	2,0	C
46	Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills)	3	8,8	4,0	A
47	Nghiên cứu văn bản (Text study)	2	6,7	2,0	C
48	Ngôn ngữ và văn hóa (Language and Culture)	2	6,0	2,0	C
49	Thực tập	5	8,2	3,0	B

Tổng số tín chỉ tích lũy: 108 tín chỉ

Điểm trung bình hệ 10: 7,82

Điểm trung bình hệ 4: 3,11

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

4. Thông tin kết nối với văn bằng:

Mã sinh viên: 7052100009

Số hiệu văn bằng: E0041301

Ghi chú: R (Điểm bảo lưu): Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 11 năm 2023



PGS. TS. NGUYỄN HOÀNG SƠN